

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6-7
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8- 41

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch
Ông Đào Việt Hưng	Thành viên
Ông Lưu Bách Đạt	Thành viên
Bà Phan Thị Nhung	Thành viên
Ông Lại Cao Hiến	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đào Hữu Huyền	Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đào Hữu Huyền**Tổng Giám đốc***Ngày 10 tháng 03 năm 2014*

Số : /2014/AEA-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 41 kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (sau đây gọi là “ Công ty”).

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Hữu Đông
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận hành nghề số:.....
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận hành nghề số:.....

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.017.904.765.683	717.429.301.244
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	171.617.962.027	400.131.931.142
Tiền	111		18.599.184.249	39.877.882.612
Các khoản tương đương tiền	112		153.018.777.778	360.254.048.530
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Phải thu ngắn hạn	130		582.188.764.520	139.731.197.636
Phải thu khách hàng	131	V.2	149.041.853.297	119.496.737.208
Trả trước cho người bán	132	V.3	50.202.226.227	15.627.752.498
Các khoản phải thu khác	135	V.4	383.401.460.676	4.825.984.561
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(456.775.680)	(219.276.631)
Hàng tồn kho	140		224.936.884.708	160.451.050.011
Hàng tồn kho	141	V.6	224.936.884.708	160.451.050.011
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.161.154.428	17.115.122.455
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuê GTGT được khấu trừ	152		37.970.537.109	16.877.860.564
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		607.864.869	8.520.600
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	582.752.450	228.741.291
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		394.566.852.748	320.005.199.305
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		282.798.772.954	207.407.150.214
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	131.151.670.573	163.929.644.077
Nguyên giá	222		320.197.559.010	308.008.222.130
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.045.888.437)	(144.078.578.053)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	38.365.044.898	37.938.212.506
Nguyên giá	228		41.469.964.619	40.232.804.477
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.104.919.721)	(2.294.591.971)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	113.282.057.483	5.539.293.631
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		109.008.144.673	112.152.704.397
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	109.008.144.673	93.898.424.397
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	V.12	-	18.254.280.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.759.935.121	445.344.694
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.729.312.024	412.467.791
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		(1.126.903)	1.126.903
Tài sản dài hạn khác	268		31.750.000	31.750.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.412.471.618.431	1.037.434.500.549

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		639.479.530.694	452.343.184.288
Nợ ngắn hạn	310		639.479.530.694	452.313.318.188
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	198.626.203.460	79.710.673.511
Phải trả người bán	312	V.15	122.589.502.571	78.741.284.869
Người mua trả tiền trước	313	V.16	34.976.530.763	113.765.512.729
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	41.594.111.847	35.750.220.547
Phải trả công nhân viên	315		17.967.258.687	16.345.142.624
Chi phí phải trả	316	V.18	10.968.439.170	9.129.137.537
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	168.143.010.057	88.522.967.320
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		44.614.474.140	30.348.379.051
Nợ dài hạn	330		-	29.866.100
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	29.866.100
NGUỒN VỐN	400		625.385.078.338	455.690.721.706
Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.20	625.385.078.338	455.690.721.706
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		334.993.660.000	220.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.072.000.000	1.072.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(3.431.887)	(1.441.887)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.356.330.600	(34.555.257)
Quỹ đầu tư phát triển	417		74.997.207.619	38.176.542.817
Quỹ Dự phòng tài chính	418		33.719.599.030	16.735.308.330
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		177.249.712.976	179.742.867.703
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.21	147.607.009.399	129.400.594.555
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.412.471.618.431	1.037.434.500.549

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
- Ngoại tệ các loại (USD)			648.035,15	1.709.850,37

Đào Hữu Huyền

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

Đào Thị Mai

Kế toán trưởng

Hoàng Thúy Hà

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.926.868.266.822	2.046.752.467.349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	79.627.086.887	82.471.870.071
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.847.241.179.935	1.964.280.597.278
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.438.383.162.358	1.498.627.832.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		408.858.017.577	465.652.764.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.761.390.541	15.695.990.129
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.565.813.421	5.640.095.412
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.950.282.658</i>	<i>3.493.598.980</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	84.398.094.681	95.609.838.189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.956.812.846	19.862.571.396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		322.698.687.170	360.236.249.749
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.285.244.461	590.347.490
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.649.993.581	2.546.677.843
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	13.635.250.880	(1.956.330.353)
14. Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh	50		80.103.798	693.049.654
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		336.414.041.848	358.972.969.050
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	39.100.769.054	24.129.422.785
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		1.126.903	(1.126.903)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		297.312.145.892	334.844.673.168
Trong đó:				
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>			<i>188.998.957.601</i>	<i>214.041.077.882</i>
<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>			<i>108.313.188.290</i>	<i>120.803.595.286</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.9	6.811	12.990

Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng

Hoàng Thúy Hà
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		336.414.041.848	358.972.969.050
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		48.137.305.986	45.220.456.468
- Các khoản dự phòng	03		237.499.049	169.254.094
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		361.269.379	146.580.510
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.316.815.423)	(9.426.700.870)
- Chi phí lãi vay	06		4.950.282.658	3.493.598.980
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		366.783.583.497	398.576.158.232
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(464.503.598.857)	15.670.762.410
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(64.485.834.697)	1.384.155.855
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		187.136.346.406	32.926.605.398
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(2.316.844.233)	990.870.330
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.950.282.658)	(3.277.207.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.848.171.825)	(5.256.688.285)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.670.999.032)	(5.739.523.721)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.855.801.398)	435.285.132.980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(119.520.241.764)	(37.120.699.374)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545.455
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.000.000.000)	(93.239.930.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.523.978.952	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.047.116.471	7.672.382.032
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(89.949.146.341)	(122.233.701.887)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	193.759.980.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.990.000)	(1.441.887)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		581.692.870.920	795.563.565.620
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(699.399.902.296)	(761.086.732.647)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(142.914.820.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(117.709.021.376)	85.320.550.211

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013***MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(228.513.969.115)	398.371.981.304
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		400.131.931.142	1.759.272.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	677.553
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		171.617.962.027	400.131.931.142

Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng

Hoàng Thúy Hà
Người lập biểu*Ngày 10 tháng 03 năm 2014*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Bột giặt và hóa chất Đức Giang là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101452588 ngày 05 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 12 năm 2013

Tổng vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 334.993.660.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Sản xuất dầu mỡ tinh chế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất hóa chất cơ bản.

Công ty có trụ sở chính và các chi nhánh tại các địa điểm sau:

Trụ sở/ Chi nhánh**Địa điểm**

Trụ sở chính

Số 18, Ngõ 44 - Đức Giang - Thượng Thanh - Long Biên - Hà Nội

Chi nhánh Bình Dương

Khu công nghiệp Đồng An - Bình Hòa - Thuận An - Bình Dương

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 526 người (năm 2012: 482 người).

2. Công ty con***Danh sách các Công ty con được hợp nhất******Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai***

* Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2013: 61,68%

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2013: 61,68%

3. Công ty liên kết***Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu******Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai***

* Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

- * Tỷ lệ phần sở hữu tại ngày 31/12/2013: 37,97%
- * Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2013: 37,97%

Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ

* Địa chỉ: Lô CN5.3K, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.

* Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2013: 48,5%

* Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2013: 48,5%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá vốn của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản khác	3

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN*****Nguyên giá***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được Nhà nước cấp hoặc được tặng, biếu, được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về hoặc bằng với giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem trao đổi

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau: (i) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán; (ii) Công ty dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán; (iii) Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó; (iv) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai; (v) Công ty có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó; (vi) Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó; và (vii) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho Tài sản cố định vô hình.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN*****Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	5

6. Các khoản đầu tư tài chính***Hợp nhất kinh doanh***

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000099 ngày 14 tháng 07 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ, Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****(Đơn vị tính: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt	1.158.750.995	695.181.119
Tiền gửi ngân hàng	17.440.433.254	39.182.701.493
Các khoản tương đương tiền (*)	153.018.777.778	360.254.048.530
Cộng	171.617.962.027	400.131.931.142

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản phải thu khác hàng

	Cuối năm	Đầu năm
AQUAPHARM CHEMICALS PVT.LTD	-	4.208.069.025
BONGSAN CO.,LTD	2.923.753.440	-
EXCEL CROP CARE LIMITED	5.321.069.280	-
EXCEL INDUSTRIES LIMITED	35.807.880.600	51.801.609.432
Filo Chemical	4.862.629.870	-
G.S.MATERIAL TECHNOLOGYCO, LTD	-	7.343.140.392
ICL Performance Prod LP	19.537.605.251	-
Kalpataru Chemicals PVT LTD	-	2.885.304.687
MITSUBISHI COPRATION	12.206.771.850	-
OCI OOPORATION	9.465.035.898	7.633.057.066
PRASOL CHEMICALS LIMITED	5.426.356.800	-
SANDHYA DYES AND CHEMICALS	2.709.128.880	-
SANDHYA INDUSTRIAL CHEMICALS	12.559.586.279	2.817.368.150
SANDHYA ORGANIC CHEMICALS PVT LTD	5.523.545.280	-
UNITED PHOSPHORUS LTD	25.198.138.200	31.650.433.690
KRISHNA ANTIOXIDANTS PVT LTD	-	1.442.652.344
Công ty Cổ Phần Ấc Quy Tia Sáng	254.745.041	142.080.026
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	225.725.500	-
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	1.966.497.500	1.675.150.400
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thái	280.294.078	280.294.078
JAYDIP AGENCIES	2.510.941.104	-
JFE SHOSI TRADE CORPORATION	252.432.000	-
SARAF CHEMICALS	999.428.774	-
Công ty TNHH VICO	-	2.790.805.448
Công ty TNHH Văn Minh	-	2.681.131.220
Các khách hàng khác	1.010.287.672	2.145.641.250
Cộng	149.041.853.297	119.496.737.208

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****3. Trả trước cho người bán**

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP SX XK Dầu điều Cát Lợi	1.336.500.000	-
Công ty TNHH Đại Long	108.000.000	108.000.000
Liên đoàn địa chất Tây Bắc	149.000.000	149.000.000
Công ty tư vấn kiến trúc và nội thất Việt Nam	323.990.159	-
Công ty Cổ phần cơ khí giải phóng	188.601.600	-
Công ty CP cáp điện LS-VINA	440.838.640	-
Công ty Cổ phần khí công nghiệp Việt Nam	30.055.750	-
Công ty cổ phần kiến trúc Quốc Tế	15.400.000	-
Công ty cổ phần Lilama 69-1	379.788.082	-
Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	2.431.000.000	-
Công ty TNHH Bảo Hưng	22.330.000	-
Công ty TNHH Công Nghiệp CNI	4.630.766.421	-
Công ty TNHH Công nghiệp Trùng Giang Sâm Uyên	515.995.533	462.266.999
Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á	30.000.000	-
Công ty TNHH SX & XNK Bao Bì	5.130.400.000	2.660.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	9.593.332.723	-
Công ty TNHH tập đoàn Tân Hồng Đại	532.338.000	-
Công ty TNHH vật tư thiết bị Tuấn Long	9.529.882.718	-
Công ty TNHH XD&TM Minh Thúy	376.500.000	-
Sinopec Nanjing Engineering & Construction Inc	10.707.450.000	5.352.805.530
Công ty TNHH Văn Minh	-	2.466.555.078
Công ty TNHH TMTH Trung Thành	-	200.000.000
Ban quản lý dự án GPMB & TĐC Tầng Loong	2.985.108.500	3.485.108.500
Các khoản trả trước khác	744.948.101	744.016.391
Cộng	50.202.226.227	15.627.752.498

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Phốt pho Vàng Lào Cai	-	1.830.106.651
Công ty CP Hoá chất Phân bón Lào Cai (*)	363.062.519.332	-
Ban quản lý các Khu Công nghiệp Lào Cai	750.000.000	750.000.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	850.142.474	1.486.843.224
Công ty TNHH Văn Minh	38.551.680	-
Công ty CP Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	17.020.912.557	-
Phải thu khác các đối tượng khác	1.679.334.633	759.034.686
Cộng	383.401.460.676	4.825.984.561

(*) Đây là khoản cho Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai vay để phục vụ đầu tư sản xuất kinh doanh lãi suất 6,5%/năm, kỳ hạn 1 tháng.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay
Số dư đầu năm	219.276.631
Tăng dự phòng	237.499.049
Hoàn nhập	-
Số dư cuối năm	456.775.680

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	158.696.637.509	137.792.700.486
Vật tư xây dựng cơ bản	37.475.622.534	48.151.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.638.366.612	1.968.056.804
Thành phẩm	27.126.258.053	20.642.141.721
Cộng	224.936.884.708	160.451.050.011

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	572.752.450	218.741.291
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	582.752.450	228.741.291

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 31/12/2012	68.321.534.771	220.618.415.150	18.114.766.348	891.457.319	62.048.542	308.008.222.130
Mua trong kỳ	1.600.169.746	2.923.954.316	5.990.193.708	-	-	10.514.317.770
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	4.955.481.376	-	-	-	4.955.481.376
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	(1.039.638.282)	-	-	-	(1.039.638.282)
Điều chỉnh giảm theo thông tư 45	(66.397.068)	(1.848.462.597)	(30.400.000)	(233.515.777)	(62.048.542)	(2.240.823.984)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	69.855.307.449	225.609.749.963	24.074.560.056	657.941.542	-	320.197.559.010
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 31/12/2012	29.139.957.384	107.355.899.933	7.212.906.498	307.765.696	62.048.542	144.078.578.053
Khấu hao trong kỳ	8.715.758.192	34.755.683.007	3.628.197.018	214.475.437	-	47.314.113.654
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh giảm theo thông tư 45	(52.345.822)	(1.252.380.328)	(12.919.040)	(145.818.647)	(62.048.542)	(1.525.512.379)
Thanh lý, nhượng bán	-	(821.290.891)	-	-	-	(821.290.891)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	37.803.369.754	140.037.911.721	10.828.184.476	376.422.486	-	189.045.888.437
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 31/12/2012	39.181.577.387	113.262.515.217	10.901.859.850	583.691.623	-	163.929.644.077
Số dư tại ngày 31/12/2013	32.051.937.695	85.571.838.242	13.246.375.580	281.519.057	-	131.151.670.573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN /HN****9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 31/12/2012	40.206.804.477	26.000.000	40.232.804.477
Mua trong kỳ	1.263.160.142	-	1.263.160.142
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Điều chỉnh giảm theo thông tư 45	-	(26.000.000)	(26.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	41.469.964.619	-	41.469.964.619
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 31/12/2012	2.281.727.388	12.864.583	2.294.591.971
Khấu hao trong kỳ	823.192.333	-	823.192.333
Điều chỉnh giảm theo thông tư 45	-	(12.864.583)	(12.864.583)
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	3.104.919.721	-	3.104.919.721
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	37.925.077.089	13.135.417	37.938.212.506
Số dư tại ngày 31/12/2013	38.365.044.898	-	38.365.044.898

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu năm	Tăng trong năm	Tăng TSCĐ trong năm	Cuối năm
Kho ủ	-	12.910.908.186	-	12.910.908.186
Kho đá phốt phát	-	8.865.539.193	-	8.865.539.193
Kho phân bón	-	1.315.803.282	-	1.315.803.282
Nhà phản ứng và máy lọc	-	4.898.353.932	-	4.898.353.932
Nhà đóng gói và sản phẩm khô	-	1.403.640.121	-	1.403.640.121
Nhà đóng bao	-	3.443.915.520	-	3.443.915.520
Khu nghiền sấy quặng	-	6.173.182.673	-	6.173.182.673
Nhà tạo hạt	-	18.395.154.825	-	18.395.154.825
Kho chứa quặng	-	342.109.814	-	342.109.814
Đường nội bộ	-	1.083.189.286	-	1.083.189.286
Khu D	-	2.544.116.523	-	2.544.116.523
Bể tuần hoàn	-	94.495.875	94.495.875	-
Đường cáp ngầm 35KV	-	1.853.460.818	1.853.460.818	-
Nhà kho ép viên	-	828.614.719	828.614.719	-
San gạt mặt bằng	282.970.000	10.699.956.340	-	10.982.926.340
Khu B	3.093.182.467	-	-	3.093.182.467
Trạm chứa bao bì	-	349.261.164	-	349.261.164
Nhà phản ứng DCP	-	8.302.537.026	-	8.302.537.026
Tháp vận chuyển	-	446.330.435	-	446.330.435
Nhà máy TSP & DCP	-	9.726.398.318	-	9.726.398.318
Sấy và đóng bao DCP	-	8.330.780.571	-	8.330.780.571
Nhà ăn khu A	-	1.512.132.755	-	1.512.132.755
Trụ đường ống khu B	-	5.452.831.471	-	5.452.831.471
Công trình nhà kho	755.786.227	15.768.800	771.555.027	-
Công trình nhà sấy quặng	1.407.354.937	-	1.407.354.937	-
Khác	-	3.709.763.581	-	3.709.763.581
Cộng	5.539.293.631	112.698.245.228	4.955.481.376	113.282.057.483

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh****11.1 Công ty Cổ phần hóa chất Phân bón Lào Cai**

Tên Công ty	31/12/2013	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai	37,97%	96.315.095.019

Đầu tư trực tiếp:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh 5300582654 ngày 13 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai là 48.070.000.000 đồng, tương đương 24,04% vốn điều lệ.

Tỷ lệ đầu tư trực tiếp: 24,04%

Đầu tư gián tiếp:

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào cai là 154.209.020.000 đồng, tương đương 61,68% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất phân bón Lào Cai là 45.169.930.000 đồng, tương đương 22,58% vốn điều lệ.

Tỷ lệ đầu tư gián tiếp: $61,68\% \times 22,58\% = 13,93\%$

Tỷ lệ sở hữu và lợi ích của Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang tại Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai là 37,97%.

11.2 Công ty Cổ phần hóa chất Đức Giang – Đình Vũ

Tên Công ty	31/12/2013	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	48,5%	12.000.000.000

Đầu tư trực tiếp:

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ là 6.000.000.000 đồng, tương đương 30% vốn điều lệ.

Tỷ lệ đầu tư trực tiếp: 30%

Đầu tư gián tiếp:

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào cai là 154.209.020.000 đồng, tương đương 61,68% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh
Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ là 6.000.000.000 đồng, tương đương 30% vốn điều lệ.

Tỷ lệ đầu tư gián tiếp: $61,68\% \times 30\% = 18,5\%$

Tỷ lệ sở hữu và lợi ích của Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang tại Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ là 48,5%.

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết

	Năm này
Giá trị phần sở hữu đầu năm	93.898.424.397
Phản lãi hoặc lỗ trong năm	80.103.798
Tăng do đầu tư	12.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.995.061.221
Hoàn nhập CLTG hối đoái	34.555.257
Giá trị phần sở hữu cuối năm	109.008.144.673

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***Chi tiết khoản đầu tư cổ phiếu***

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Phốt pho Vàng Lào Cai (*)	-	-	264.000	18.254.280.000
Cộng	-	-	264.000	18.254.280.000

Lý do giảm: Ngày 2 tháng 5 năm 2013 Công ty chuyển nhượng toàn bộ 264.000 cổ phần cho Công ty Cổ phần Victory theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 2 tháng 5 năm 2013. Giá trị chuyển nhượng đối với khoản đầu tư trên là 11.523.978.952 đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê nhà tại Bình Dương	360.364.827	412.467.791
Chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ	2.098.424.178	-
Kết chuyển TSCĐ qua theo dõi chi phí trả trước chờ phân bổ (công ty mẹ)	270.523.019	
Cộng	2.729.312.024	412.467.791

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****14. Vay và nợ ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	198.626.203.460	79.710.673.511
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	115.814.704.806	66.156.399.839
Ngân hàng ANZ	33.093.652.174	5.192.488.390
Ngân hàng HSBC	-	8.361.785.282
Ngân hàng TMCP Quân đội	38.819.009.720	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	10.898.836.760	-
Cộng	198.626.203.460	79.710.673.511

Chi tiết vay ngắn hạn

Đối tượng	Số dư cuối năm	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	115.814.704.806	04 tháng	3%/năm
Ngân hàng ANZ	33.093.652.174	01 tháng	3%/năm
Ngân hàng TMCP Quân đội	38.819.009.720	03 tháng	3%/năm
Ngân hàng TMCP Á Châu	10.898.836.760	03 tháng	3%/năm
Cộng	198.626.203.460		

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANGSố 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh
Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****15. Phải trả người bán**

	31/12/2013	31/2/2012
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	54.893.546.488	22.132.878.061
HEKOU YUYANG TRADE COMPANY	16.286.001.973	15.248.531.865
Công ty TM XNK Vĩnh Hòa – Bằng Tường	11.540.554.496	-
Công ty Điện lực Lào Cai	8.554.699.840	11.415.043.931
Công ty TNHH MTV thương mại Toàn Phát	2.139.095.000	-
Công ty TNHH Văn Minh	3.151.220.391	-
Công ty TNHH XD và dịch vụ Quang Thành	1.861.271.401	785.327.100
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang Nam Ninh	2.655.467.784	450.153.169
Công ty Cổ phần Bắc Hà	1.616.844.200	787.799.500
Công ty TNHH giao nhận vận tải Bình Minh	1.427.191.502	1.414.928.435
Công ty TNHH vận tải PNT	1.200.761.123	1.629.439.690
Công ty TNHH chế tạo MM hạng nặng Khúc Tĩnh	1.105.304.251	-
Công ty CP SX TM và DV Bảo Minh	1.087.458.878	1.511.149.915
Công ty CP nổi hơi Việt Nam	955.570.000	1.002.540.000
CTCP VINALINES LOGISTICS Việt Nam	923.036.600	298.350.000
Công ty TNHH và thương mại Đại Phát	908.007.290	354.305.000
Công ty CP xây lắp và vận tải Long Vũ	802.892.000	-
Công ty CP xi măng Tân Quang	751.502.300	-
Công ty CP đầu tư XD Phục Hưng số 3	730.568.000	-
Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ Ngọc Thuyền	603.816.560	215.173.000
K S INTERNATIONAL	533.832.192	-
Công ty TNHH TM và DV vận tải Dũng Hùng	591.036.191	365.946.485
Công ty hữu hạn XNK Phương Hâm	376.476.890	308.544.258
Công ty TNHH kinh tế TM Minh Hằng Hà Khẩu	321.396.900	-
Công ty CP vận tải 1 Traco	302.112.195	-
Công ty CP vật liệu điện và TM Hà Nội	222.998.600	180.136.000
TIME INTERNATIONAL	168.265.992	35.990.784
Công ty CP TM Thành Công	140.230.000	-
Đỗ Huy Xuân	132.669.768	35.728.560
Kunming Jiahe Science & Technology Co. (Gia Hòa)	128.836.200	-
Công ty CP Tứ Đình	115.940.000	115.940.000
OCI OOPORATION	112.981.608	85.318.960
Công ty CP dịch vụ vận tải Hà Lào	62.100.000	313.330.000
BOM Trading & Shipping JSC	-	10.115.600
Công ty TNHH TMV TMDV Tuấn Hải	-	10.553.972.000
Công ty TNHH Kinh tế TM Minh Hằng – Hà Khẩu	-	1.834.830.479
Công ty TNHH XD Toàn Tuấn	-	893.158.650
Công ty CPDV TM công nghệ và Xây dựng	-	657.874.800
Công ty TNHH MTV Dũng Phú Lộc	-	559.251.000
Công ty TNHH TM vận tải Tuấn Thủy	-	329.963.860
Công ty TNHH TM và Hàng hải RL	-	232.719.912
HTX kinh doanh và XD tổng hợp Gia Phú	-	100.000.000
PT MANH INDONESIA	1.251.642.000	-
Công ty CP Tatiko Việt Nam	737.390.500	482.724.000
Công ty TNHH SX TM Trường Đức	427.183.476	-
Công ty TNHH Đức Minh	400.179.890	491.694.830
GUANGZHOU MEIYI FLAVOURS & FRAGRANCES CO.,LTD	312.384.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANGSố 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh
Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Công ty TNHH In và TM Tây Đô	268.130.255	118.064.104
Công ty CP vận tải Xuyên Đại Dương	265.164.865	-
Công ty Điện lực Gia Lâm	263.318.880	61.396.360
Công ty TNHH MTV bao bì 277 Hà Nội	249.231.110	310.101.365
CN Doanh nghiệp tư nhân SX Hoàng Nguyên	233.807.274	133.916.120
Công ty TM và Bao bì Sài Gòn (TNHH)	166.232.681	1.048.820.081
Công ty TNHH Hùng Phương	131.565.434	189.339.150
XN Dịch vụ VT&TM Đường Sắt Phía Nam	125.500.000	-
Công ty TNHH TM và đầu tư ITVN	113.684.000	209.041.000
Xí nghiệp kinh doanh than Cầu Đuống	92.532.550	-
DNTN sản xuất Hoàng Nguyên	65.389.132	89.603.910
Công ty CP hóa chất Việt Trì	64.881.790	14.007.100
Phải trả người bán khác	1.017.597.521	1.504.392.739
Cộng	122.589.502.571	78.741.284.869

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	31/12/2012
Công ty CP Thương Mại Tuấn Cường	893.338.967	371.007
Công ty TNHH TM và Truyền Thông Hà Việt	477.500.000	-
DARAROITH IMPORT EXPORT	354.564.200	-
SAMBATH DARA	227.951.887	-
Đoàn Văn Thiêm	107.693.295	172.551.934
K S INTERNATIONAL	3.161.641.640	-
MITSUBISHI COPRATION	28.622.929.920	52.819.959.011
Sumitomo Corporation	-	59.023.562.476
IME INC	2.082.800	2.082.800
Các khách hàng khác	1.128.828.054	1.746.985.501
Cộng	34.976.530.763	113.765.512.729

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	277.082.061	983.588.808
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.795.752.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.061.045.595	27.808.448.366
Thuế thu nhập cá nhân	5.255.733.191	162.430.530
Thuế khác	251.000	-
Cộng	41.594.111.847	35.750.220.547

18. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí tiền điện	10.850.699.000	8.647.113.104
Chi phí thuê kho	(4.000.000)	196.428.686
Chi phí lãi vay phải trả	121.740.170	285.595.747
Cộng	10.968.439.170	9.129.137.537

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.426.575.688	793.422.477
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	-	740.830.686
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	20.000.000
Tiền thưởng ban điều hành	-	666.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	84.422.422.932	81.652.824.020
Phải trả phải nộp khác (**)	82.294.011.437	4.649.890.137
Cộng	168.143.010.057	88.522.967.320

()*: Đây là tiền cổ tức năm 2013 phải trả cho cổ đông thiểu số.*(**)*: Đây là tiền cổ tức năm 2012 phải trả cho cổ đông thiểu số.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****20 Vốn chủ sở hữu****20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC								
Số dư đầu năm	66.000.000.000	-	-	145.430.507	32.436.390.213	12.439.459.624	86.070.295.719	197.091.576.063
Hoàn nhập CLTG năm trước	-	-	-	(145.430.507)	-	-	-	(145.430.507)
Tăng do nhận vốn góp	154.000.000.000	1.072.000.000	-	-	-	-	-	155.072.000.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	(1.441.887)	-	-	-	-	(1.441.887)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	214.041.077.882	214.041.077.882
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5.740.152.604	4.295.848.706	(26.269.556.262)	(16.233.554.952)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(94.509.875.264)	(94.509.875.264)
Giảm khác	-	-	-	(34.555.257)	-	-	410.925.628	376.370.371
Số dư cuối năm	220.000.000.000	1.072.000.000	(1.441.887)	(34.555.257)	38.176.542.817	16.735.308.330	179.742.867.703	455.690.721.706
NĂM NAY								
Số dư đầu năm	220.000.000.000	1.072.000.000	(1.441.887)	(34.555.257)	38.176.542.817	16.735.308.330	179.742.867.703	455.690.721.706
Tăng chênh lệch trong năm	-	-	-	3.356.330.600	-	-	-	3.356.330.600
Tăng vốn trong năm	114.993.660.000	-	(1.990.000)	-	-	-	(114.991.670.000)	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	188.998.957.601	188.998.957.601
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	35.345.438.339	16.984.290.700	(62.143.934.339)	(9.814.205.300)
Trích lập quỹ KTPL năm 2013	-	-	-	-	-	-	(9.670.698.941)	(9.670.698.941)
Tăng khác	-	-	-	-	1.475.226.463	-	(1.475.226.463)	-
Hoàn nhập CLTG năm trước	-	-	-	34.555.257	-	-	-	34.555.257
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(3.210.582.161)	(3.210.582.161)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	334.993.660.000	1.072.000.000	(3.431.887)	3.356.330.600	74.997.207.619	33.719.599.030	177.249.712.976	625.385.078.338

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****20.2. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2013</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>31/12/2012</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.499.366	22.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.499.366	22.000.000
Cổ phiếu phổ thông	33.499.366	22.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	263	64
Cổ phiếu phổ thông	263	64
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.499.103	21.999.936
Cổ phiếu phổ thông	33.499.103	21.999.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu*

21 Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>31/12/2013</u>
Số dư tại ngày 31/12/2012	129.400.594.555
Lợi nhuận sau thuế	108.313.188.290
Trích lập các quỹ	6.007.208.455
Phân phối lợi nhuận	(84.099.564.992)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>147.607.009.398</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***(Đơn vị tính: VND)***1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	1.926.868.266.822	2.046.752.467.349
Doanh thu bán hóa chất, chất tẩy rửa	288.154.527.113	326.917.597.756
Doanh thu bán Phốt pho	1.610.789.255.832	1.672.815.404.207
Doanh thu bán quặng bột	22.499.164.970	22.472.347.563
Doanh thu dịch vụ khác	5.425.318.907	24.547.117.823
Các khoản giảm trừ	79.627.086.887	82.471.870.071
Giảm giá hàng bán	41.774.307	61.057.316
Hàng bán bị trả lại	122.390.605	691.586.828
Thuế xuất khẩu	79.462.921.975	81.719.225.927
Cộng	<u>1.847.241.179.935</u>	<u>1.964.280.597.278</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hóa chất, chất tẩy rửa	248.999.840.438	262.149.228.492
Giá vốn bán Phốt pho	1.171.340.410.681	1.217.400.883.974
Giá vốn bán quặng bột	22.502.619.043	22.472.332.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	(4.459.707.804)	(3.394.612.511)
Cộng	<u>1.438.383.162.358</u>	<u>1.498.627.832.661</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay có kỳ hạn	30.009.390.635	7.672.382.032
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.725.836	124.294.701
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.808.140.959
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.714.274.070	6.078.887.707
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	12.284.730
Cộng	<u>38.761.390.541</u>	<u>15.695.990.129</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	4.950.282.658	3.493.598.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.523.960.336	1.987.631.191
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	361.269.379	158.865.241
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	
Lỗ từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Photpho vàng Lào Cai	6.730.301.048	-
Cộng	16.565.813.421	5.640.095.412

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.352.879	782.996.907
Chi phí nhân công	7.276.228.754	6.762.502.193
Chi phí công cụ đồ dùng	87.905.434	29.344.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.285.712.729	1.597.786.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.231.498.875	73.236.037.284
Chi phí ngân hàng	1.723.783.350	14.522.723
Chi phí khác	13.204.612.660	13.186.647.540
Cộng	84.398.094.681	95.609.838.189

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.247.287	161.252.460
Chi phí nhân công	12.801.704.835	10.191.112.670
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.461.789	77.939.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.737.276.683	2.998.577.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.446.045.649	1.541.109.734
Thuế phí và lệ phí	1.530.553.390	2.500.357.340
Chi phí dự phòng	237.499.049	169.254.094
Chi phí bằng tiền khác	2.863.024.164	2.222.968.599
Cộng	23.956.812.846	19.862.571.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	15.285.244.461	590.347.490
Thu nhập từ phạt hợp đồng (*)	15.248.531.865	
Công nợ không phải trả do hàng kém chất lượng được người bán giảm trừ		119.243.300
Thu nhập từ thanh lý và cho thuê tài sản		454.545.455
Tiền phạt nhân viên vi phạm quy chế		2.500.000
Kết chuyển quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	29.866.100	
Thu nhập khác	6.846.496	14.058.735
Chi phí khác	1.649.993.581	2.546.677.843
Dự án mã số CHHD.DASXTN.003/09-11 thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hóa được đến năm 2020 - Bộ Công thương	910.405.000	-
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	218.347.391	508.367.576
Phạt vi phạm hợp đồng	-	900.000.000
Nộp phạt hành chính	197.675.295	796.662.939
Nộp phạt Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	-	230.000.000
Chi phí khác	323.565.895	111.647.328
Lợi nhuận khác	13.635.250.880	(1.956.330.353)

(*) Thu nhập từ phạt hợp đồng: là tiền thanh lý hợp đồng số 598/DG-TQ ngày 5/9/2008 giữa Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang với Công ty HEKOU YUYANG TRADE CO.,LTD số tiền 732.715USD, tương đương 15.248.531.865 đồng do phạt chậm tiến độ và cung cấp thiết bị không đúng.

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Năm 2012 Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do có tổng nguồn vốn và số lao động đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Thuế TNDN phải nộp trong năm được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 39.100.769.054 đồng. Trong đó:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang là 5.101.560.409 đồng, và;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai là 33.999.208.645 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	336.414.041.818	358.972.969.050
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận trước thuế	1.455.281.852	(1.766.519.142)
- Các khoản điều chỉnh tăng:	1.539.893.262	2.500.107.680
Chi phí không được trừ	1.539.893.262	2.495.600.068
Lãi chưa thực hiện hàng tồn kho	-	4.507.612
- Các khoản điều chỉnh giảm	(84.611.410)	(4.266.626.822)
Lãi trong công ty liên kết	(80.103.798)	(693.049.654)
Lãi chưa thực hiện hàng tồn kho năm trước	(4.507.612)	(1.765.436.209)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.808.140.959)
Thu nhập chịu thuế	337.869.323.700	357.206.449.908
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông	156.403.076.214	130.705.901.394
Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi	181.466.247.486	226.500.548.514
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	25%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	39.100.769.054	32.676.475.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất ưu đãi	18.146.624.749	22.650.054.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(18.146.624.749)	(22.650.054.851)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	39.100.769.054	32.676.475.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn theo TT140/2012/TT-BTC	-	(8.591.827.997)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	39.100.769.054	24.084.647.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	44.775.433
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	39.100.769.054	24.129.422.785

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	188.998.957.601	214.041.077.882
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	188.998.957.601	214.041.077.882
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.749.520	16.476.957
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.811	12.990

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC***(Đơn vị tính: VND)***1. Thông tin về các bên liên quan
Giao dịch với các bên liên quan**

Bán hàng	Năm nay
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	6.971.768

Số dư với các bên liên quan

Phải thu khác	Cuối kỳ VND
Công ty Cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai	363.062.519.332
Công ty TNHH Văn Minh	38.551.680
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	17.020.912.557

Số dư góp vốn vào Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai	96.315.095.019
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	12.000.000.000

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2013.

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.617.962.027	400.131.931.142
Phải thu khách hàng	149.041.853.297	119.496.737.208
Phải thu khác	383.443.210.676	4.867.734.561
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	109.008.144.673	112.152.704.397
Tài sản tài chính khác	2.729.312.024	412.467.791
Cộng	815.840.482.697	637.061.575.099
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	198.626.203.460	79.710.673.511
Phải trả người bán	122.589.502.571	78.741.284.869
Phải trả khác	166.716.434.369	86.988.714.157

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Chi phí phải trả	10.968.439.170	9.129.137.537
Cộng	498.900.579.570	254.569.810.074

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

3.3.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.4 Quản lý rủi ro tín dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Các khoản vay	198.626.203.460	-	198.626.203.460
Phải trả người bán và phải trả khác	289.305.936.940	-	289.305.936.940
Chi phí phải trả	10.968.439.170	-	10.968.439.170
Cộng	498.900.579.570	-	498.900.579.570
Số dư đầu năm			
Các khoản vay	79.710.673.511	-	79.710.673.511
Phải trả người bán và phải trả khác	165.729.999.026	-	165.729.999.026
Chi phí phải trả	9.129.137.537	-	9.129.137.537
Cộng	254.569.810.074	-	254.569.810.074
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.617.962.027	-	171.617.962.027
Phải thu khách hàng và phải thu khác	532.485.063.973	-	532.485.063.973
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	109.008.144.673	109.008.144.673
Tài sản tài chính khác	2.729.312.024	-	2.729.312.024
Cộng	706.832.338.024	109.008.144.673	815.840.482.697
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	400.131.931.142	-	400.131.931.142
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.364.471.769	-	124.364.471.769
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	112.152.704.397	112.152.704.397
Tài sản tài chính khác	412.467.791	-	412.467.791
Cộng	524.908.870.702	112.152.704.397	637.061.575.099

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Lĩnh vực sản xuất hóa chất và chất tẩy rửa;
- Sản xuất phốt pho;
- Lĩnh vực dịch vụ khác.

Chỉ tiêu	Lĩnh vực sản xuất phốt pho	Lĩnh vực sản xuất hóa chất và chất tẩy rửa	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.600.616.738.463	275.663.003.224	37.362.845.645	(66.401.407.397)	1.847.241.179.935
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.240.638.776.972	242.039.983.638	22.110.316.757	(66.401.407.397)	1.438.387.669.970
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	359.977.961.491	33.623.019.586	15.257.036.500	-	408.858.017.577
Chi phí không phân bổ theo bộ phận					(108.354.907.527)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					300.503.110.050
Doanh thu hoạt động tài chính					38.761.390.541
Chi phí hoạt động tài chính					(16.565.813.421)
Thu nhập khác					15.285.244.461
Chi phí khác					(1.649.993.581)
Phần lãi trong công ty liên doanh					80.103.798
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(39.100.769.054)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(1.126.903)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					297.312.145.892

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Chỉ tiêu	Lĩnh vực sản xuất phát pho	Lĩnh vực sản xuất hóa chất và chất tẩy rửa	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
TÀI SẢN					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	127.882.415.759	11.152.241.070	-	-	139.034.656.829
Tài sản bộ phận	1.254.328.957.905	580.966.714.104	-	-	1.835.295.672.009
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản	1.254.328.957.905	580.966.714.104	-	-	1.835.295.672.009
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả bộ phận	871.975.196.848	39.866.579.654	-	-	911.841.776.502
Nợ phải trả không phân bổ	-		-	-	-
Tổng nợ phải trả	871.975.196.848	39.866.579.654	-	-	911.841.776.502

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng

Hoàng Thúy Hà
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 03 năm 2014